

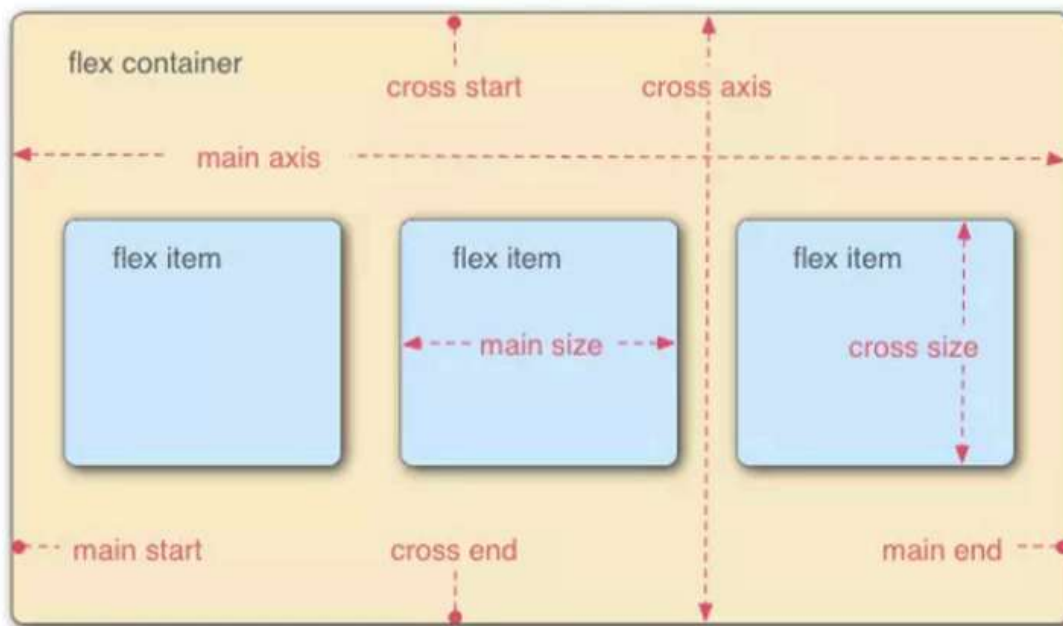
🕒 Cập nhật tháng 8 năm 2024

[Bài Đọc] Tổng quan về bộ thuộc tính flexbox

Flexbox (Flexible Box Layout Module) là một công cụ mạnh mẽ trong CSS để thiết kế và căn chỉnh bố cục của các phần tử. Flexbox giúp dễ dàng kiểm soát cách các phần tử con trong một container được sắp xếp, căn chỉnh, và phân phối không gian.

1. Cấu trúc cơ bản của Flexbox

Trước khi đi vào tìm hiểu sâu hơn về flexbox, chúng ta cần nắm rõ cấu trúc của Flexbox là như thế nào đã:



- Trong flexbox thì chủ yếu có hai thành phần chính là: thùng chứa cha (flex container) và các phần tử con nằm bên trong (flex items).
- Ngoài ra chúng ta cũng cần quan tâm tới một số thuộc tính sau:

- **main start, main end, cross start, cross end**: Điểm bắt đầu của container theo main axis được gọi là main start, điểm kết thúc của container theo main axis gọi là main end, với cross start và cross cũng tương tự nhưng dựa theo cross axis.
- **main axis**: Trục này chính là hướng của các item hiển thị, mặc định thì sẽ chạy từ trái qua phải.
- **cross axis**: Trục này vuông góc với main axis, chạy từ trên xuống dưới.
- **main size**: Là kích thước của mỗi item dựa theo trục main axis.
- **cross size**: Là kích thước của mỗi item dựa theo trục cross axis.

2. Các thuộc tính của flex container

Flex Container có các thuộc tính sau để điều chỉnh cách các phần tử con được hiển thị:

- **display**

- Giá trị: **flex** hoặc **inline-flex**.
- **flex**: Tạo container dạng block-flex.
- **inline-flex**: Tạo container dạng inline-flex.

- **flex-direction**

- Quyết định hướng của các phần tử con trong container:
- Giá trị:
 - **row** (mặc định): Căn theo hàng ngang, từ trái sang phải.
 - **row-reverse**: Hàng ngang, từ phải sang trái.
 - **column**: Căn theo cột, từ trên xuống dưới.
 - **column-reverse**: Cột, từ dưới lên trên.

- **flex-wrap**

- Xác định có cho phép phần tử con xuống dòng không:
- Giá trị:
 - **nowrap** (mặc định): Không cho phép xuống dòng.
 - **wrap**: Cho phép xuống dòng khi không đủ không gian.
 - **wrap-reverse**: Xuống dòng nhưng đảo ngược thứ tự dòng.

- **justify-content**

- Căn chỉnh các phần tử con theo trục chính:
- Giá trị:
 - **flex-start** (mặc định): Dồn về đầu container.

- **flex-end**: Dồn về cuối container.
- **center**: Căn giữa.
- **space-between**: Khoảng cách giữa các phần tử đều nhau.
- **space-around**: Khoảng cách xung quanh các phần tử đều nhau.
- **space-evenly**: Khoảng cách giữa và ngoài các phần tử đều nhau.
- **align-items**
 - Căn chỉnh các phần tử con theo trục chéo:
 - Giá trị:
 - **stretch** (mặc định): Dẫn đầy theo chiều cao container (nếu phần tử không đặt chiều cao).
 - **flex-start**: Căn về đầu trục chéo.
 - **flex-end**: Căn về cuối trục chéo.
 - **center**: Căn giữa trục chéo.
 - **baseline**: Căn theo đường cơ sở của văn bản.
- **align-content**
 - Căn chỉnh các dòng trong container khi có nhiều dòng:
 - Giá trị tương tự **align-items**, áp dụng cho toàn bộ dòng.

3. Các thuộc tính của flex item

Các phần tử con (Flex Items) cũng có các thuộc tính riêng:

- **order**
 - Quyết định thứ tự hiển thị của phần tử con.
 - Giá trị: Số nguyên (mặc định là 0). Phần tử có giá trị **order** nhỏ hơn sẽ hiển thị trước.
- **flex**
 - Thuộc tính rút gọn của ba thuộc tính: **flex-grow**, **flex-shrink**, và **flex-basis**.
 - Cú pháp: **flex: [flex-grow] [flex-shrink] [flex-basis];**.
- **flex-grow**
 - Xác định phần tử có thể giãn ra bao nhiêu nếu còn không gian.
 - Giá trị: Số nguyên dương (mặc định là 0).
- **flex-shrink**

- Xác định phần tử có thể thu nhỏ bao nhiêu nếu không đủ không gian.
- Giá trị: Số nguyên dương (mặc định là **1**).
- **flex-basis**
 - Quy định kích thước ban đầu của phần tử trước khi không gian được phân phối.
 - Giá trị: Kích thước cụ thể (px, %, ...) hoặc **auto** (mặc định).
- **align-self**
 - Ghi đè **align-items** cho một phần tử cụ thể.
 - Giá trị: Tương tự **align-items**.

Link tài nguyên đọc thêm: <https://medium.com/better-programming/a-complete-guide-css-flex-box-24f4a9a1e02>

Link game chơi flexbox: <https://flexboxfroggy.com/>

Danh sách các bài học

